

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10/6/2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Định và bà Nguyễn Thị Tin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 23/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1979; (có mặt)

Nơi ĐKKH: Thôn T, thị trấn B, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang;

STQ: Thôn Y, xã P, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Anh Lê Văn Q, sinh năm 1974; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, thị trấn B, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Văn Q từ ngày 24/3/2000 trước khi cưới anh, chị có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện Yên Dũng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc.

Đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q mỗi khi uống rượu say về thường hay gây sự với chị, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi nhau thậm trí còn đánh chị, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, chị cũng đã khuyên bảo anh Q nhiều lần nhưng anh Q không thay đổi, đời sống vợ chồng không

còn hạnh phúc, do vậy đến tháng 10/2018 chị đã về nhà để sống, vợ chồng chính thức ly thân từ đó cho đến nay. Kể từ khi ly thân anh Q đã nhiều lần sang nhà để đón chị về đoàn tụ, nhưng do chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh Q được nữa, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 01/11/2004; Lê Thị Phương L, sinh ngày 30/7/2008. Nay ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả hai con, Nếu chị được nuôi chị yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị 1.000.000đ/1 con/tháng. Tại phiên toà chị H xác định đủ khả năng nuôi dưỡng hai con nên không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị Trần Thị H không có yêu cầu đề nghị nào khác.

** Tại các lời khai bị đơn anh Lê Văn Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Trần Thị H ngày 02/3/2000 trước khi cưới hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện Yên Dũng. Sau khi kết hôn chị H về chung sống cùng anh ngay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, nhưng đến khoảng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau nên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống thường ngày, do bức tức đã có lần anh đánh chị H, bản thân anh và gia đình hai bên cũng đã nhiều lần hoà giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đều không có kết quả và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Kể từ khi ly thân anh đã sang nhà để đón chị H nhiều lần nhưng chị H kiên quyết không về. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng do vậy đề nghị chị H quay về sống đoàn tụ, nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con là Lê Thị T, sinh ngày 01/11/2004 và Lê Thị Phương L, sinh ngày 30/7/2008. Nếu ly hôn anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng hai con và anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con cùng chị H. Tại phiên toà chị H không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con anh đồng ý không có ý kiến gì khác

- Về tài sản, vay nợ và ruộng đất: Anh Lê Văn Q không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chị H, anh Q giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại các điều 70 và điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Lê Văn Q.

Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các bên: Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi 02 con là Lê Thị T, sinh ngày 01/11/2004; Lê Thị Phương L, sinh ngày 30/7/2008.

Về cấp dưỡng nuôi: Do các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản, vay nợ và ruộng đất: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Lê Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện Yên Dũng vào ngày 24/3/2000 đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa H và anh Q là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn từ khoảng đầu năm 2018 đến nay, nguyên nhân chị H cho rằng anh Q mỗi khi uống rượu về tìm có gây mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng cãi nhau, anh Q cho rằng vợ chồng không hợp nhau dẫn đến xảy ra cãi nhau thậm chí xảy ra xô sát, điều đó thể hiện vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị H cũng như anh Q xác nhận đã cùng gia đình hai bên hoà giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng đều không có kết quả, sau khi ly thân tháng 10/2018 anh Q đến gia đình để đón chị H về sống đoàn tụ nhưng chị H không quay về để đoàn tụ vợ chồng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Hội đồng xét xử thấy: Thực tế vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay, phía chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra gay gắt, trầm trọng, do vậy chị không còn một chút tình cảm vợ chồng với anh Q. Bản thân anh Q xác nhận vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn thậm chí xảy ra xô sát nhưng anh Q cho rằng mâu thuẫn chưa trầm trọng, do vậy anh không đồng ý ly hôn và mong muốn chị H quay về sống đoàn tụ. Quá trình làm việc tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành hoà giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng phía chị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa anh Q không đưa ra được phương pháp nào khác để tháo gỡ mâu thuẫn vợ chồng ngoài lời đề nghị chị H về đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa chị Trần Thị H và

anh Lê Văn Q không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng cũng không thể có hạnh phúc. Xét yêu cầu của chị H là phù hợp với thực tế cuộc sống chung của vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, cần xử cho chị H được ly hôn với anh Q là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị H, anh Q xác nhận vợ chồng 02 con là Lê Thị T, sinh ngày 01/11/2004 và Lê Thị Phương L, sinh ngày 30/7/2008. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị H có nguyện vọng nuôi hai con và anh Q đồng ý để chị H nuôi. Phía cháu T và cháu L đều có nguyện vọng được sống cùng với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy: Chấp nhận sự tự nguyện của các bên và phù hợp với nguyện vọng của cháu cần giao cho chị H nuôi dưỡng cả hai cháu là và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện Chị H không có yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị có yêu cầu cấp dưỡng, tuy nhiên tại phiên tòa chị xác định có đủ khả năng nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị, việc rút yêu cầu này là do chị hoàn toàn tự nguyện, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, vay nợ và ruộng đất: Các bên đương sự không đặt thành yêu cầu, do vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Trần Thị H được ly hôn anh Lê Văn Q.
- Về con chung: Chấp nhận sự thoả thuận của các bên đương sự: Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi 02 con là Lê Thị T, sinh ngày 01/11/2004 và Lê Thị Phương L, sinh ngày 30/7/2008.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở

hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, (Xác nhận chị Trần Thị H đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0004189 ngày 04/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng).

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND thị trấn B, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Tân Thịnh